

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 20-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Trọng Điền;

- Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Hồ Tấn Q, sinh năm 1956; nơi sinh: huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; nơi cư trú: tổ 16, ấp 3, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tùng U (chết) và bà Dương Thị Y; chưa có vợ con; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ bảy.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/9/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trần Văn Hg, sinh năm 1973 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn Hg: Bà Nguyễn Thị Kim Pg, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ 38, khóm C2, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Hồng L, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 15, ấp P, xã Z, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Nguyễn Văn V, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ 15, ấp P, xã Z, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người làm chứng:

- Ngô Văn Tr, sinh năm 1958 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09/11/1999, Hồ Tấn Q đến khu vực khóm C2, phường P, thành phố K, hỏi thuê xe mô tô, nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 của Trần Văn Hg, để đi việc riêng. Do Q đã nhiều lần thuê xe của Hg nên Hg đồng ý giao xe. Đến ngày 15/11/1999 do cần tiền tiêu xài, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của Hg; Q mang xe đến tiệm cầm đồ của Phạm Hồng L (tổ 15, ấp P, xã Z, huyện A, tỉnh An Giang) cầm, lấy 7.000.000 đồng, tiêu xài hết, Q bỏ trốn; phát hiện bị chiếm đoạt, Hg tố giác; Đội Cảnh sát điều tra – Công an thị xã K (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K) khởi tố, truy nã Q; đến ngày 09/9/2021, bắt được Q, phục hồi, tạm giam để điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 (đã trao trả cho bị hại Trần Văn Hg).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 153/KL-GĐ ngày 18/10/2016 và số 223/KL-Đg ngày 20/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: Xe mô tô, nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210, không đủ thông tin để khảo sát và định giá.

Ngày 14/12/1999 Đội Cảnh sát điều tra – Công an thị xã K (nay là Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K) tỉnh An Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ngày 12/9/2021 Quyết định phục hồi điều tra vụ án, điều tra bị can đối với Hồ Tấn Q về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*”.

Cáo trạng số 142/CT-VKSCĐ-HS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Hồ Tấn Q về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến trong phần tranh luận và cũng không nói lời nói sau cùng.

Phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định do cần tiền tiêu xài, sau khi thuê xe mô tô của bị hại Trần Văn Hg, nảy sinh ý định chiếm đoạt, lợi dụng bị hại tin tưởng giao tài sản rồi chiếm đoạt mang Xe của Hg đi cầm, lấy 7.000.000 đồng tiêu xài, bỏ trốn. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của Q được áp dụng Bộ luật hình sự năm 1985 để xử lý. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*" theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985. Nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hồ Tấn Q từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*".

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 đã trao trả cho bị hại Trần Văn Hg nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hg đã nhận lại xe mô tô biển số nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210, người đại diện hợp pháp của bị hại Hg không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hồng L khai Q mang xe đến cầm, lấy tổng cộng 9.000.000 đồng, yêu cầu Q bồi thường toàn bộ số tiền này. Tuy nhiên Q chỉ thừa nhận tiền giao dịch cầm xe tổng cộng 7.000.000 đồng. Ngoài lời khai của L, không có chứng cứ khác để xem xét đối với khoản tiền chênh lệch 2.000.000 đồng, do đó đề nghị buộc bị cáo Q có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L số tiền 7.000.000 đồng.

Trường hợp bị cáo Q trong thời gian trốn truy nã, nhờ người quen (không nhớ rõ là ai) làm giấy chứng minh nhân dân tên Chu Văn Chín để sử dụng, tránh bị phát hiện, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo luật định.

Đối với Phan Thị L và Nguyễn Văn V đã có hành vi nhận cầm xe, nhận bảo lãnh để Hồ Tấn Q cầm xe, nhưng không biết xe do Q phạm tội mà có; tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung

[3] Về pháp luật áp dụng: Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra tại thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành và so sánh về tội danh, khung hình phạt mà bị cáo truy cứu trách nhiệm hình sự quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1985 với tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì tội danh được quy định Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 nặng hơn nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1985 để xét xử bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội: Bị cáo Hồ Tấn Q khai nhận khoảng 11 giờ ngày 09/11/1999, Q đến khu vực khóm C2, phường P gặp ông Hg thuê xe mô tô hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 đi Long Xuyên. Do trước đó Q đã thuê xe mô tô trên của Hg nhiều lần nên Hg tin tưởng giao xe và giấy tờ đăng ký xe cho Q. Đến ngày 15/11/1999 do cần tiền tiêu xài và làm ăn mua bán nên Q nảy sinh ý định mang xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ thế chấp xe cho bà L được số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó Q nhờ V đứng ra bảo lãnh cho Q mượn thêm tiền cầm xe 2.000.000 đồng. Q đã tiêu xài hết số tiền trên và bỏ trốn.

Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp lời khai bị hại Trần Văn Hg (đã chết) có Nguyễn Thị Kim Pg (vợ bị hại Hg) là đại diện hợp pháp về việc trước đó Hg đã cho Q thuê xe 03 lần: ngày 09/11/1999, Q tiếp tục thuê xe, tin tưởng, Hg giao xe

mô tô biển số 67F2-0210 và giấy chứng minh nhân dân của Hg cho Q sử dụng; xe mô tô trên Hg mua với giá 11.000.000 đồng; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Hồng L, Nguyễn Văn V về việc khoảng tháng 11/1999, Q đem xe mô tô nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 đến cầm. Ngoài ra, phù hợp biên bản về việc làm dụng tín nhiệm, biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó có cơ sở xác định, lợi dụng bị hại Hg tin tưởng giao tài sản là xe mô tô biển số 67F2-0201, bị cáo Q đã chiếm đoạt, mang xe đi cầm lấy 7.000.000 đồng tiêu xài, sau đó bỏ trốn. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Hg là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Từ đó, hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*” theo khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tính chất vụ án, xét thấy quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi lợi dụng tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản, tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã và bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã sau khi bỏ trốn thời gian dài, gây khó

khẩn cho quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử có xem xét thái độ, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo khi quyết định hình phạt

[7] Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả cho bị hại 01 xe mô tô, nhãn hiệu Angel 80, biển số 67F2-0210 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hg (đã chết) có đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim Pg không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hồng L khai Q mang xe đến cầm, lấy tổng cộng 9.000.000 đồng, yêu cầu Q bồi thường toàn bộ số tiền này. Tuy nhiên Q chỉ thừa nhận tiền giao dịch cầm xe tổng cộng 7.000.000 đồng. Ngoài lời khai của L, không có chứng cứ khác để xem xét đối với khoản tiền chênh lệch 2.000.000 đồng, do đó buộc bị cáo Q có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L số tiền 7.000.000 đồng như đề nghị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[10] Đối với trường hợp bị cáo Q trong thời gian trốn truy nã, nhờ người quen (không nhớ rõ là ai) làm giấy chứng minh nhân dân tên Chu Văn Chín để sử dụng, tránh bị phát hiện, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo luật định.

Đối với Phan Thị L và Nguyễn Văn V đã có hành vi nhận cầm xe, nhận bảo lãnh để Hồ Tấn Q cầm xe, nhưng không biết xe do Q phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

[11] Về án phí: áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người cao tuổi nên xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo Hồ Tấn Q và người đại diện hợp pháp của bị hại Hg (đã chết) là bà Nguyễn Thị Kim Pg; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hồng L, Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Hồ Tấn Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*”;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Tấn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giam 09/9/2021 (*ngày chín, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Hồ Tấn Q có trách nhiệm bồi thường cho Phạm Hồng L số tiền 7.000.000 (*bảy triệu*) đồng;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hồ Tấn Q.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Hồ Tấn Q và đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn Hg (bà Nguyễn Thị Kim Pg) có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Hồng L, ông Nguyễn Văn V kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Phượng